TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 4-2019
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Trần Văn Phùng
2. Ông Nguyễn Văn Vũ

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2019/TLST-HN ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1984; Trú tại khu phố 2, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1977; Trú tại ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T do quen biết và có làm đám cưới vào tháng 01 năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới chị và anh T sống tại Bến Tre khoảng một năm thì chuyển về Phan Thiết sinh sống, trong thời gian này chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi nhau về vấn đề cơm áo, gạo, tiền. Chị và anh T ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Trong thời gian chung sống chị nhiều lần yêu cầu anh T đăng ký kết hôn nhưng anh T không đồng ý. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng, gia đình hai bên cũng có hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian sống chung anh chị có một con chung tên Lê Nguyễn Gia T1, sinh ngày 23-10-2008. Hiện nay, cháu T1 đang sống với chị. Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu được tiếp nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tại biên bản hòa giải ngày 12-4-2019 chị chỉ yêu cầu nuôi con là cháu Lê Nguyễn Gia T1, sinh ngày 23-10-2008 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn Tiếp trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị D do quen biết và sau thời gian tìm hiểu thì vào tháng 01/2008 gia đình 02 bên làm đám cưới. Lúc đầu sống ở Bến Tre được khoảng 01 năm thì vợ chồng chuyển về Phan Thiết sinh sống. Trong thời gian này vợ chồng mâu thuẫn, cự cãi nên đến năm 2010 thì vợ chồng anh sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không được. Trong thời gian sống chung do có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên anh không đăng ký kết hôn. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Nguyễn Gia T1, sinh ngày 23-10-2008. Khi ly hôn anh để cho chị D nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "*Xin ly hôn"*.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 04- 3-2019 xác nhận anh Lê Văn T hiện đang sinh sống và có mặt tại xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Chị Nguyễn Ngọc D và anh Lê Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D, anh T là phù hợp.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Ngọc D và anh Lê Văn T có làm đám cưới vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hôn nhân của chị D và anh T không hợp pháp, không được được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc D, không công nhận chị Nguyễn Ngọc D và anh Lê Văn T là vợ chồng.

[4] *Về con chung*: Lê Nguyễn Gia T1, sinh ngày 23-10-2008. Chị D xin nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T đồng ý để con cho chị D nuôi, anh không cấp dưỡng. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 12-4-2019 cháu T1 có nguyện vọng sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, chị D đang trực tiếp nuôi cháu T1 và cháu T1 có nguyện vọng sống với chị D nên để đảm bảo về mặt tinh thần và thể chất cho cháu T1 Hội đồng xét xử để cháu T1 cho chị D nuôi là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: Chị D và anh T thống nhất không có nên không không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị D và anh T thống nhất không có nên không xem xét.

[7] *Án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a, khoản 1, điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 14,15, 51,53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc D.

Không công nhận chị Nguyễn Ngọc D và anh Lê Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc D trực tiếp nuôi con chung tên Lê Nguyễn Gia T1, sinh ngày 23-10-2008 anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy

định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc D phải nộp án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000528 ngày 19-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên không phải nộp thêm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre (1b);*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);*
- *Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);*
- *Các đương sự (2b);*
- *Lưu: Hồ sơ, VP (2b*).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên